TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:225/2025/DS-ST
Ngày: 17-12-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST–DS ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thảo N, sinh năm: 1994; địa chỉ thường trú: Tổ X, Khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Mạnh T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số x tổ 27, khu phố P, phường pP thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền. có mặt

2. *Bị đơn*: Ông Cao Minh V, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số X đường số 22, khu dân cư H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** N đơn bà Lê Thảo N do ông Vũ Mạnh T đại diện hợp pháp trình bày:*

Xuất phát từ quan hệ quen biết (bà N và vợ ông V là bạn). Bà N đã cho ông V vay tiền nhiều lần. Ngày 21/4/2024, ông V và bà N đã lập 02 Hợp đồng vay tiền. Cụ thể:

- Hợp đồng vay tiền số 0121042024/HĐVT, ông V vay số tiền 1.400.000.000 đồng với thỏa thuận thời gian trả là ngày 31/12/2024. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 36%/năm (tương đương 3%/tháng). Hai bên thỏa thuận tiền lãi được trả hàng tháng đúng vào ngày 30. Mục đích ông V vay là "cho vay lại hưởng chênh lệch lãi suất".

- Hợp đồng vay tiền số 0121042024/HĐVT, ông V vay số tiền 385.000.000 đồng với thỏa thuận thời gian trả là ngày 31/12/2024. Hai bên thỏa thuận không lãi suất. Mục đích ông V vay là "trả lãi theo khoản vay ngày 13/01/2023".

Tổng cộng hai khoản vay là: 1.785.000.000đ (Một tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng)

Đến thời gian trả lãi thì ông V trốn tránh không trả lãi, đến khi bà N tìm đến nhà thì ông khất lần. Cho đến nay ông V chưa trả cho bà N được khoản tiền lãi nào của số tiền đã vay theo hợp đồng nêu trên.

Đến hạn trả nợ (ngày 31/12/2024) ông V cũng không trả tiền đã vay cho bà N. Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu buộc ông V phải trả số tiền gốc: 1.785.000.000 đồng (Một tỷ bày trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính: 288.466.500 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Cụ thể:

- Đối với khoản vay gốc 1.400.000.000 đồng x lãi suất 20%/năm x 604 ngày (tạm tính từ ngày 22/4/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17/12/2025) = 463.342.466 đồng.

- Đối với khoản vay gốc 385.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm x 350 ngày (tạm tính từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17/12/2025) = 36.917.808 đồng,

Tổng cộng gốc và lãi tạm tính là: 2.285.260.274 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

** Bị đơn ông Cao Minh V trình bày:*

Ông V và bà N có mối quan hệ quan biết nhau và đã vay của bà N số tiền gốc 1.400.000.000 đồng ngày 21/4/2024, lãi suất 36%/năm, đến nay ông V đã trả được một số tiền lãi nhưng không rõ bao nhiêu. Vì lý do công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên không trả lãi được. Đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn ông V đồng ý trả số tiền 1.400.000.000 đồng nhiều lần đến hết tháng 8/2026, đối với số tiền 385.000.000 đồng là tiền lãi nên ông V không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Cao Minh V có địa chỉ cư trú tại số 35 đường số 22, khu dân cư Hiệp Thành 3, khu phố Hiệp Thành 7, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: N đơn bà Lê Thảo N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Cao Minh V phải trả số tiền đã vay. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Bị đơn ông Cao Minh V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Cao Minh V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nợ gốc: N đơn Bà Lê Thảo N và bị đơn ông Cao Minh V thống nhất xác định ngày 21/4/2024 bà N và ông V có ký kết hợp đồng vay tiền số 0121042024/HĐVT và hợp đồng vay tiền số 0121042024/HĐVT để thỏa thuận bà N cho ông V vay số tiền gốc 1.400.000.000 đồng và số tiền gốc 385.000.000đ. Các đương sự thống nhất về nội dung trên nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét hợp đồng vay tiền số 0121042024/HĐVT ngày 21/4/2024, thì bà N cho ông V vay số tiền gốc 1.400.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 36%/năm, thời hạn vay từ 21/4/2024 đến 31/12/2024, ông V đã nhận đủ số tiền trên và xác định chưa trả số tiền gốc. Cùng ngày 21/4/2024 bà N còn cho ông V vay số tiền 385.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền số 0121042024/HĐVT ngày 21/4/2024, lãi suất 0%/năm, thời hạn vay từ 21/4/2024 đến 31/12/2024. Bị đơn ông V cho rằng số tiền vay 385.000.000 đồng là vay để trả tiền lãi cho khoản vay ngày 13/01/2023. Lời khai này của ông V phù hợp với lời khai của bà N về việc bà N có cho ông V vay tiền nhiều lần. Việc bị đơn cho rằng khoản vay 385.000.000đ là tiền lãi và thực chất không có việc giao nhận tiền nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét lời trình bày này của bị đơn. Đồng thời, tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tiền các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên hợp đồng vay tiền phát sinh hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia giao kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên N đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền gốc 1.785.000.000 đồng đã vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về lãi suất:

Đối với khoản vay 1.400.000.000 đồng, N đơn yêu cầu tính tiền lãi từ thời điểm ngày 21/4/2024 đến ngày xét xử ngày 17/12/2025 với lãi suất 20%/năm. Bị đơn cho rằng đã trả cho N đơn một khoản tiền lãi nhưng không rõ số tiền bao nhiêu, không đưa ra được chứng cứ chứng minh, N đơn không thừa nhận sự việc trên nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Xét thấy, lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy vay tiền

ngày 21/4/2024 là 36%/năm, việc thỏa thuận của các bên vượt quá lãi suất 20%/năm quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do đó, N đơn yêu cầu mức lãi suất 20%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: 1.400.000.000 đồng x lãi suất 20%/năm x 604 ngày (tạm tính từ ngày 22/4/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17/12/2025) = 463.342.466 đồng (1).

Đối với khoản vay 385.000.000đồng, N đơn yêu cầu tính tiền lãi từ thời điểm ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử ngày 17/12/2025 với lãi suất 10%/năm. Xét thấy, lãi suất N đơn yêu cầu tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/12/2025 với mức lãi suất 10%/năm là đúng và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: 385.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm x 350 ngày (tạm tính từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17/12/2025) = 36.917.808 đồng (2).

Tổng cộng tiền lãi (1) + (2) = 500.260.274đồng.

[2.3] Như vậy, tổng cộng số tiền ông V phải có trách nhiệm trả cho bà N là 2.285.260.274 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 1.785.000.000 đồng, tiền lãi là 500.260.274đồng.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn. Xét thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Cao Minh V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Lê Thảo N đối với bị đơn ông Cao Minh V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Cao Minh V có trách nhiệm trả cho bà Lê Thảo N số tiền 2.285.260.274 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 1.785.000.000 đồng, tiền lãi là 500.260.274đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Cao Minh V phải chịu số tiền 77.705.205đ (bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn hai trăm lẻ năm đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thảo N số tiền 36.734.665 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009025 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nay là Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng thi hành án dân sự khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

N đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15 – TP Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương